



MỤC TỪ “NGUYỄN VĂN SIÊU” TRONG BÁCH KHOA TOÀN THƯ VỀ TÁC GIA BÁCH KHOA THƯ VIỆT NAM

TRẦN VĂN TRỌNG *

Tóm tắt: Nguyễn Văn Siêu không chỉ là nhà văn, nhà thơ mà còn là nhà nghiên cứu văn hóa, lịch sử, địa lý, triết học, kiến trúc có nhiều đóng góp cho Thăng Long - Hà Nội nói riêng và nền văn hóa Việt Nam thế kỷ 19. Việc biên soạn mục từ “Nguyễn Văn Siêu” trong *Biên soạn Bách khoa toàn thư về tác gia bách khoa thư Việt Nam* giúp người đọc hiểu rõ hơn cấu trúc loại mục từ nhân danh trong bách khoa toàn thư và thấy được những đóng góp của Nguyễn Văn Siêu trong tiến trình lịch sử dân tộc.

Từ khóa: Nguyễn Văn Siêu, văn hóa Việt Nam, bách khoa toàn thư, mục từ nhân dân, Thăng Long - Hà Nội.

Abstract: Nguyen Van Sieu is not only a writer, a poet but also a researcher of culture, history, geography, philosophy and architecture who had a great contribution to Thang long - Hanoi as well as Vietnam culture in the 19th century. The compilation of the entry “Nguyen Van Sieu” in the *compilation of the great Encyclopedia of Vietnamese Authors* helps readers understand more clearly the structure of bibliography entry in the great Encyclopedia and have awareness of Nguyen Van Sieu's contribution into national history.

Keywords: Nguyen Van Sieu, Vietnam Culture, The great encyclopedia, bibliography entry, Thanglong - Hanoi.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại đã có sự xuất hiện các tác gia biên soạn, trước tác mang tính bách khoa thư. Với quan niệm văn, sử, triết bất phân kéo dài từ cổ trung đại đến thế kỷ 20, các tác gia bách khoa thư đã chịu sự chi phối về tư duy nguyên hợp trong việc biên soạn và trước tác. Việc tiến hành biên soạn *Bách khoa toàn thư về các tác gia bách khoa Việt Nam* sẽ cung cấp một cái nhìn tổng quan về chân dung các tác gia Bách khoa thư Việt Nam, từ đó có sự phân loại, đánh giá và nhìn nhận một cách xác đáng vai trò, vị trí của các tác gia và tác phẩm của họ trong bối cảnh lịch sử cụ thể của từng giai đoạn.

Bách khoa toàn thư là một loại sách công cụ tra cứu, cung cấp những kiến thức sâu, rộng, toàn diện về một đối tượng mà nó hướng tới. Hiện nay, đã xuất hiện những cuốn từ điển, bách khoa thư chuyên ngành, đó là những bước phát triển nhưng bên cạnh đó còn có những hạn chế trong việc xây dựng cấu trúc vĩ mô của bảng mục từ và cấu trúc vi mô của mục từ cũng như

* TS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: tranvantrong9683@gmail.com

trong việc biên tập mục từ,... Việc biên soạn các tác gia bách khoa thư Việt Nam thành một công trình bách khoa thư giúp người đọc nhìn nhận và đánh giá những mặt tích cực và hạn chế trong việc biên soạn bách khoa thư Việt Nam, từ đó chỉ ra được những cống hiến của các bậc tiền nhân và bước đầu xây dựng khung mẫu cho loại hình bách khoa toàn thư về tác gia.

2. Biên soạn mục từ “Nguyễn Văn Siêu” trong *Bách khoa toàn thư về tác gia bách khoa thư Việt Nam*

Chúng tôi xác định, mục từ “Nguyễn Văn Siêu” trong *Bách khoa toàn thư về tác gia bách khoa thư Việt Nam* là loại mục từ nhân danh (tác giả, nhân vật) của loại hình bách khoa toàn thư hiện đại. Dựa vào “Tài liệu hướng dẫn biên soạn các chuyên ngành *Bách khoa toàn thư Việt Nam*” do Ban Thư ký Đề án biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam biên soạn, chúng tôi đưa ra cấu trúc của một mục từ gồm:

- Tên đầu mục từ
 - Định nghĩa
 - Nội dung:
 - + Năm sinh, năm mất để trong ngoặc đơn, thí dụ: (1380 - 1442); còn sống thì chỉ ghi năm sinh, thí dụ: sinh 1939; biết năm sinh mà không biết năm mất, ghi: (1432 - ?); biết năm mất mà không biết năm sinh, ghi: (? - 1580).
 - + Là nhà gì (nhà văn, nhà thơ, nhà địa lý, nhà văn hóa, nhà giáo dục,...)
 - + Các loại tên tự, tên hiệu, bút danh
 - + Quê quán, nơi sống và làm việc
 - + Hành trạng
 - + Các tác phẩm chính: nội dung và đóng góp
 - Hình ảnh minh họa (nếu có)
 - Tên người biên soạn
 - Tài liệu tham khảo
- Ở đây, chúng tôi biên soạn tác gia Nguyễn Văn Siêu - nhà văn, nhà thơ, nhà văn hóa, tác gia bách khoa thư tiêu biểu của Việt Nam thời

trung đại.

NGUYỄN VĂN SIÊU (1796 - 1872), cg. Nguyễn Siêu, vốn tên là Định, tự Tôn Ban, thụy Chí Đạo, hiệu Phương Đình và Thọ Xương cư sĩ; nhà văn, nhà thơ, nhà văn hóa, tác gia bách khoa thư Việt Nam thời trung đại; sinh năm 1796 tại thôn Trung, xã Kim Lũ, tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín (nay là phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội) nhưng sau đó ông theo gia đình định cư tại phường Dũng Thọ, huyện Thọ Xương, Hà Nội và mất tại đây năm 1872, rồi được an táng về lại Kim Lũ. Ngay từ nhỏ, Nguyễn Văn Siêu “nổi tiếng học giỏi, tung hoành văn từ cổ, không chịu gò bó theo kiểu học thời tục, tiếng tăm bắt đầu vang dậy khắp nơi, vượt qua nhiều bậc danh Nho đương thời”, và là học trò của Tiên sĩ Phạm Quý Thích. Năm 1825, ông thi Hương đỗ Á nguyên (cử nhân thứ hai) khoa thi năm Ất Dậu nhưng không tiếp tục thi Hội mà ở nhà đọc sách, dạy học.

Năm 1838, tức là 13 năm sau, khoa Mậu Tuất, NVS mới đi thi Hội và đỗ Phó bảng sung chức Hàn lâm viện Kiểm thảo, cơ quan có nhiệm vụ khởi thảo công văn triều đình ban hành gồm *ché, chiếu, biểu*,... Năm 1841, Nguyễn Văn Siêu được thăng Viên ngoại lang Bộ Lễ. Cũng vào năm này, khi làm Phó chủ khảo trường Thừa Thiên, ông có liên quan tới vụ án Cao Bá Quát nên bị phạt trọng đồ. Sau khi nghị tội, Nguyễn Văn Siêu bị cách chức nhưng vẫn được làm việc ở Bộ Lễ. Ít lâu sau, ông nhận chức Nội các Thừa chỉ - nơi cơ yếu tham mưu cho triều đình, theo vua tuần du, giữ ấn, truyền lưu chỉ dụ cho nha môn, ghi chép tấu sớ,... Năm 1848, Phương Đình được thăng Thị giảng học sĩ, phụ trách việc giảng sách cho hoàng tử. Sau khi Tự Đức lên nối ngôi (1847), năm 1849, NVS được cử đi sứ nhà Thanh. Đi sứ về, ông làm việc tại Tập hiền viện, Khai kinh diên (hai cơ quan tập hợp nhân tài để bàn luận chính trị, sách vở, thơ phú,...). Sau đó, ông được bổ chức Án sát Hà Tĩnh, rồi Án sát Hưng Yên. Năm 1854, ông dâng sớ cầu khẩn một số việc nhưng không được chuẩn y cộng với việc tình hình đất nước nhiễu loạn mà vua tôi thì bỏ bê triều chính, NVS thoái lui về Hà

Nội làm nghề dạy học (*Bất năng vi chính tức vi sư*). Suốt những năm tháng ở quan trường, ông luôn muốn đem tài năng của mình để cống hiến cho đất nước. Ở cương vị nào, ông cũng để lại những dấu ấn đậm nét.

Sự nghiệp trước tác của NVS khá đồ sộ trải qua ba thời kỳ: thời còn đi học kể cả đi thi, thời làm quan, thời thôi quan về mở trường dạy học với tư cách một bậc sư biểu ở tầm cỡ quốc gia. Ông viết nhiều thể loại và ở thể loại nào cũng để lại tiếng vang: Chiếu, biểu, sắc, cáo, sớ, gi bản, bi ký, minh, chí, châm, trướng, khánh hạ, di chúc,... thuộc loại hình văn học chức năng; có văn sách, biện thuyết,... thuộc loại hình văn học chính luận; có dư địa chí thuộc loại hình văn học phê bình; có ký sự, tùy bút thuộc loại hình gần với văn học mỹ học. Còn trong thơ thì chủ yếu là các thể thơ: Đường luật, thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn bát cú, ngũ ngôn tứ tuyệt, cổ phong, cổ phong trường thiên. Các tác phẩm nổi tiếng như *Phương Đình thi tập* (Thơ Phương Đình phân loại, gồm 4 quyển), *Phương Đình văn tập* (Văn Phương Đình phân loại, gồm 5 quyển), *Phương Đình tùy bút lục* (Sao lục tùy bút của Phương Đình, gồm 6 quyển) và nổi tiếng nhất là bộ *Phương Đình Đại Việt địa lý chí* hay *Phương Đình địa dư chí* (Ghi chép địa dư của Phương Đình, gồm 3 tập). Ngoài ra, ông còn nghiên cứu, chú giải các sách cổ đề dạy học, gồm: *Chư kinh khảo ước* (Lược khảo các kinh), *Chư sử khảo thích* (Khảo và chú các bộ sử), *Tứ thư bị giảng* (Giảng giải đầy đủ về tứ thư),... Tất cả các sách của Nguyễn Văn Siêu đều được khắc in.

Nhà văn, nhà thơ lớn thời trung đại: Nhắc đến NVS, người ta lại nhớ đến hai câu thơ tương truyền là của vua Tự Đức: *Văn như Siêu Quát vô Tiền Hán/Thi đáo Tùng Tuy thất Thịnh Đường* (Văn được như Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát thì không còn lưu danh văn thời Tiền Hán/Thơ mà đến như Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương thì thơ thời Thịnh Đường cũng mất tiếng). Dẫu biết đây là lời nói thậm xưng của người đời ưu ái dành cho bốn nhà thơ tài danh trên nhưng qua đó ta cũng thấy được tầm vóc nhất định của họ

trong lịch sử văn học dân tộc thế kỷ 19.

Về thơ, Phương Đình NVS có bộ *Phương Đình thi loại đồ sộ*, gồm 4 tập thơ: *Phương Đình thi loại Vạn lý tập*, *Phương Đình thi loại Anh ngôn tập* (2 tập), *Phương Đình thi loại lưu lãm tập* (2 tập) và *Phương Đình thi loại mạn hứng tập*. Mở đầu bộ *Phương Đình thi loại* là *Vạn lý tập* được viết trên đường đi sứ nhà Thanh năm Tự Đức thứ 2 (1849 miêu tả thực nhiều nơi mà đoàn sứ bộ đi qua thể hiện được cả ba yếu tố là tình, cảnh, sự. Tập thơ này còn là tài liệu tham khảo về phương diện ngoại giao cho triều đình và các đoàn sứ bộ về sau; riêng về phương diện văn học, văn hóa cũng có nhiều ý nghĩa. Tiếp đến là *Phương Đình Anh ngôn tập*. *Anh* nghĩa đen là tiếng chim gọi nhau; ở đây, *Anh ngôn* có nghĩa là lời nói bạn bè. Toàn tập có 283 bài thơ phần nhiều được NVS làm lúc còn trẻ; thường là tác giả “phong hồ Vũ Vu, dục hồ Nghi” ngao du với thầy, bạn rồi vịnh sông núi như Nhị Hà, Tô Giang, Tây Hồ, đền thờ Chu Văn An. Ngoài ra cũng có thơ vịnh sử, vịnh vật, thù tạc... Trong tập này có nhiều bài thể hiện cái nhìn cận dân, thân dân NVS có ở chỗ phản ánh cuộc sống nghèo khổ, thiếu thốn, cơ cực, loạn lạc của nhân dân ta lúc bấy giờ. Chẳng hạn, trong khi đi từ Bắc Ninh sang Hải Dương, chứng kiến cảnh cơ cực của đồng bào, ông đã viết bài *Lộ qua Bắc Ninh, Hải Dương tức sự hữu cảm ngũ cổ thập lục vận* (Đi đường qua Bắc Ninh, Hải Dương, thấy sự việc xúc cảm làm bài thơ ngũ ngôn cổ thể mười sáu vận) với những vần thơ như cửa vào tâm can người đọc: *Dân Bắc Kỳ khổ thay/Cấp xuân Mậu Ngọ (1858) này/Đông, Tây chạy lẩn quẩn/Đường thấy chết đói đây/Dốc kho phát từng chén/Chờ cơm hàng tuần nay/Hội gạo vừa tranh được/Đã dè nhau chết ngay...* Tập thơ thứ III trong bộ *Phương Đình thi loại* là *Lưu lãm tập*, có 305 bài chủ yếu là thơ làm trong chuyến chu du quan lâm, vịnh danh lam thắng cảnh, tiễn tặng ở Kinh đô Huế với bạn bè ở chốn quan trường Kinh đô Huế. Ngoài viết về phong cảnh và không khí quan trường ở cố đô Huế đương thời, *Lưu lãm tập* còn thể hiện tâm trạng không vui của Phương Đình

trong những ngày làm quan ở đây. Cuối bộ *Phương Đình thi loại* là tập thơ *Mạn hứng*. Đây là tập thơ tùy hứng mà Phương Đình làm chủ yếu với bạn bè, đồng nghiệp ở Hà Nội. Toàn tập có 325 bài, trong đó có một số bài giúp ta hiểu thêm chuyển di sứ và thơ *Vạn lý* của Phương Đình.

Về văn, NVS có *Phương Đình văn loại* và *Phương Đình Tùy bút lục*. *Phương Đình văn loại* được chia thành *Giáp tập*, *Ất tập*, *Bính tập*, *Đinh tập* và *Tục tập*. *Giáp tập*: gồm 5 bài chiếu, 9 bài biểu, 3 bài nghị, 2 bài sách, 3 bài văn, 1 bài gián và 1 bài chí. *Ất tập* gồm 40 bài miêu tả phong cảnh các nơi trên đường Phương Đình đi sứ từ Nam Quan cho đến Yên Kinh. Trong đó có 19 bài bút ký viết về hành trình đi sứ này thể hiện rất rõ tính chất đại gia, đại bút của Thần Siêu ở chỗ thể hiện rõ một năng lực quan sát tỉ mỉ, một sự am hiểu sâu rộng về sử sách, đất nước của xứ người dẫn đến những lời nhận xét, phân biện khảo nghiệm thông thái, sắc sảo. *Bính tập* có 54 bài, gồm, 6 bài luận (2 ứng chế), 1 bài biện (ứng chế), 9 bài thư trát thiếp, 7 bài thuyết, 8 bài tự, 1 bài bạt, 10 bài ký, 8 bài phú, 5 bài dẫn là tập văn bao gồm được cả các phương diện văn, sử, triết và không chỉ bàn về những vấn đề mang tính triết học mà còn là những vấn đề xã hội, vấn đề ra đời và tha hóa của những giòng tư tưởng lớn. Những vấn đề này, cho đến nay, vẫn còn nguyên giá trị như các bài: *Hữu vi vô vi luận*, *Quân tử hòa nhi bất đồng tiểu nhân đồng nhi bất hòa*, *Xuân Vương Chính nguyệt biện*,... *Đinh tập* có 47 bài, chủ yếu thuộc loại khánh hạ; ai văn, hành trạng, với 35 bài văn, 3 bài tự, 1 bài dẫn, 3 bài khai và 5 bài hành trạng. Các bài văn là các bài chúc mừng hoặc hiếu viếng, các bài tự, dẫn, khai là các bài chúc tặng các vị tiến sĩ, các quan được thăng chức, các gia đình thân quen làm lễ thọ... 5 bài hành trạng, bài nào viết cũng công phu, kỹ lưỡng, tư liệu phong phú. *Tục tập* là tập cuối và nằm ngoài 4 Quyển *Văn loại* gồm 75 bài, trong đó có tới 41 bài *Nghĩ*, tức bài làm hộ người khác. Ngoài ra còn có rất nhiều bài viết về di tích văn hóa ở Hà Nội như *Nghĩ Lê triều tiết nghĩa từ bi ký*, *Hựu khắc tiết nghĩa chư thần tỉnh danh chí ngữ* viết về đền và danh sách họ tên các vị được thờ ở

đền Tiết nghĩa gần hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội. *Hồ sơn thắng hội tự*, *Nghĩ Văn Xương miếu bi*, *Nghiên đài minh*, *Bút tháp chí* là những bài viết về cụm di tích và phong cảnh đền Ngọc Sơn ở hồ Hoàn Kiếm,...

Phương Đình Tùy bút lục có 6 Quyển: Quyển I: Giảng về *Kinh Dịch*, *Thượng thư* (tức *Kinh Thư*), *Kinh Thi*. Về *Kinh Dịch* trước giảng về các nhà truyền *Kinh Dịch*, tiếp giảng *Thập lục* của Khổng Tử, giảng về các *Quái* (Quẻ), các *Hào*. Trong bài giảng nhắc nhiều đến Chu Hy cùng nhiều học giả nổi tiếng thời Tống. Phần này thể hiện Phương Đình là một trong những học giả uyên bác *Dịch học* ở nước ta. Về *Thượng thư* trước dựa vào bài *Tự* của Khổng An Quốc đời Hán và ý của Chu Hy để giảng về *điển*, *mô*, *huân*, *cáo*, *thệ*, *mệnh* và giảng về lịch trình phát triển của *Thư kinh*. Về *Kinh Thi* khái quát về các *Truyện*, học thuyết của Khổng Tử về *Thi*. Quyển II: Giảng về Khổng Tử, trong đó có *Thánh thụy* (Tên thụy của đức Thánh Khổng Tử), *Tự điển* (điển lễ thờ Khổng Tử), *Khổng lâm* (Lăng mộ Khổng Tử), *Khổng cối* (Cây cối ở nhà thờ Khổng Tử), *Thừa tự* (Việc thờ Khổng Tử), *Tòng tự* (Các vị được thờ phụ với Khổng Tử). Cùng với việc giảng về Khổng Tử, nhiều nghi lễ, tục lệ theo Nho giáo cũng được truyền đạt, như *Hương hiền* (Các vị tiên hiền ở làng), *Tiên hiền danh hoạn tự điển* (Việc thờ tiên hiền ở làng và quan danh vọng), *Thành hoàng* (Việc thờ Thành hoàng), *Tính thị* (Bàn về giòng họ)... cùng rất nhiều tri thức về xã hội, về thiên văn, địa lý,... Quyển III: Giảng về các mối quan hệ trong xã hội, trong đó có quan hệ vua tôi, gia đình; giảng về văn chương, về danh nhân, về chuyện cuối đời Minh,... Các bài giảng không có tiêu đề. Quyển IV: Giảng về *Tứ hải khảo thuyết*. Quyển V: *Tứ thư trích giảng*. *Tứ thư* là 4 bộ sách, theo cách xếp thứ tự thông thường, 4 bộ sách này là: *Luận ngữ*, *Mạnh tử*, *Đại học*, *Trung Dung* nhưng trong *Tứ thư trích giảng* không trích *Mạnh tử*. Quyển VI là phần *Chư sử khảo ước* (Lược khảo về các bộ sử). Các bộ sử mà thầy Phương Đình khảo ở đây đều là các bộ cổ sử Trung Hoa.

Sự nghiệp trước tác của NVS có đến hơn nghìn

bài thơ, văn - một khối lượng tác phẩm đồ sộ - đều được viết bằng chữ Hán, được in chủ yếu trong *Phương Đình thi tập*. Một điều đáng tiếc là cho đến nay, mới chỉ có một phần tác phẩm đã được dịch nên tầm vóc và giá trị nghệ thuật của chúng vẫn chưa được nhìn nhận và đánh giá đúng mức.

Nhà văn hóa tiêu biểu của thế kỷ 19: NVS có nhiều đóng góp vào sự nghiệp giáo dục của đất nước như có công trong việc nghiên cứu, biên soạn các sách phục vụ cho giảng dạy kinh sử: *Chư kinh khảo ước*, *Chư sử khảo thích*, *Tứ thư bị giảng*,... Bản thân, NVS cũng là người có kiến thức rộng lớn về địa lý, lịch sử, văn hóa không chỉ của Việt Nam mà còn cả của Trung Hoa. Điều đó thể hiện trong công trình dư địa chí nổi tiếng *Phương Đình địa dư chí*. Công trình này, ngoài tư liệu phong phú, sắp xếp khoa học, còn có một số phát hiện và kiến giải mới cho đến nay vẫn có giá trị khoa học nhất định. *Phương Đình địa dư chí* thực chất chỉ có tên là *Đại Việt Địa dư toàn biên* được khắc in mới vào cuối mùa thu năm Canh Tý đời Thành Thái 1900. Có bài Tựa của Nguyễn Trọng Hợp. Sách này có 5 Quyển. Quyển I, trang đầu đề: *Địa chí loại quyển chi Nhất*; tiếp theo là bài *Ngã Việt phương dư cổ kim tổng tự* (Tổng tự phương dư nước Việt ta). Tiếp đến là *Địa chí tiền biên*. Tác giả chú: “Xét nước Việt ta xưa là quận huyện của nhà Tần nhà Hán; từ nhà Đinh về sau biệt lập thành một nước, các sử gia trước phạm biên chép việc cổ, đều thêm hai chữ “nội thuộc”, thế là tự mình cho mình là ngoại, như thế sợ không nên, cho nên theo như địa chí đời Hán, đời Đường mà gọi là Tiền biên”. Sau đó khảo địa lý xưa của nước ta. Quyển II: *Đại chí loại quyển chi nhị*, gồm: *Ngã Việt Tiền Lê phương dư Chính biên* (Chính biên địa dư các vùng thời Tiền Lê nước Việt ta). Mở đầu là lời giới thiệu, tiếp đến khảo về địa lý nước ta; trong đó có *Thăng Long thành* và *Thăng Long ngoại thành*, cuối quyển là *Địa chí loại Tập khảo* (Tập khảo về các loại *Địa chí*). Quyển III: *Địa chí loại quyển chi tam*. Quyển IV: *Địa chí loại quyển chi tứ*, khảo địa lý miền Nam. Nhưng ở mục *Địa chí loại*, lại có các bài khảo về các con sông ở miền Bắc như *Nhị Hà nguyên lưu*

khảo (Khảo nguồn chảy của Nhị Hà), *Tam Đức nguyên lưu khảo* (Khảo nguồn chảy của ba sông Đức), *Cao Bình Thái Nguyên Lạng Sơn chư thủy khảo* (Khảo các sông ở Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn). Quyển V: *Địa chí loại quyển chi ngũ*. Mở đầu có *Hà Nội tỉnh*, tiếp sau là các tỉnh miền Bắc cho đến Cao Bằng.

Phương Đình NVS viết nhiều về địa lý. Đọc tác phẩm viết về địa lý của ông, một mặt chúng ta được mở mang thêm tri thức địa lý cổ; mặt khác, chúng ta cũng cảm nhận được văn hóa địa lý mà tác giả muốn gửi gắm. Sách *Địa chí* của Phương Đình có tính khoa học, hấp dẫn; có đóng góp cho việc tìm hiểu, nghiên cứu địa lý Việt Nam thời trung đại.

Ngoài ra, NVS còn được lịch sử kiến trúc Việt Nam thời phong kiến ghi nhận là một nhà kiến trúc tài năng. Quần thể di tích nổi tiếng và là một trong những biểu tượng của Hà Nội: đền Ngọc Sơn - Cầu Thê Húc - Tháp Bút ở hồ Hoàn Kiếm ghi dấu công lao lớn của Nguyễn Văn Siêu. Đền Ngọc Sơn xưa được gọi là Tượng Nhĩ (tai voi). Đời Trần, đền được đổi tên là Ngọc Sơn để thờ vong linh các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh trong cuộc chiến chống quân Mông - Nguyên. Do tồn tại lâu ngày, ngôi đền bị sụp đổ. Đến thời Vĩnh Hựu nhà Lê (1735-1739), chúa Trịnh Giang đã cho dựng cung Thụy Khánh, đắp hai quả núi đất ở trên bờ phía đông đối diện với Ngọc Sơn là Đào Trai và Ngọc Bội. Sau Lê Chiêu Thống phá hủy cung Thụy Khánh. Đến đầu thế kỷ 19, một Hội từ thiện đã xây dựng nên chùa Ngọc Sơn trên nền cung Thụy Khánh cũ nhưng ít lâu sau được đổi tên thành đền vì chủ yếu thờ Văn Xương Đế Quân - ngôi sao chủ việc văn chương, khoa cử (theo tín ngưỡng Đạo giáo đương thời), và thờ người anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo. Năm 1865, NVS được lệnh đứng ra chủ trì việc sửa sang toàn cảnh khu đền Ngọc Sơn. Ông cho xây dựng một ngọn tháp bằng đá trên gò núi Độc Tôn, trên đỉnh tháp là hình ngọn bút lông, trên thân tháp khắc ba chữ: “Tả Thanh Thiên” (Viết lên trời xanh), ngày nay thường gọi đó là Tháp Bút. Tiếp đến là một cửa cuốn gọi là Đài Nghiên, trên có đặt một cái nghiên mực bằng đá hình nửa quả đào bở đôi theo

chiều dọc, có ba con ếch đội. Tháp Bút, Đài Nghiên biểu trưng cho quan điểm của Nho giáo.

Tiếp theo ông xây dựng cầu Thê Húc (Thê Húc nghĩa là: giữ lại ánh sáng đẹp của mặt trời buổi sáng) nối dẫn từ bờ đến Đắc Nguyệt lâu (lầu được trăng) và đền Ngọc Sơn. Cầu gồm 15 nhịp, có 32 chân cột gỗ tròn xếp thành 16 đôi, mặt cầu lát ván, thành sơn màu đỏ sẫm, chữ Thê Húc được thếp vàng. Cầu đã trải qua hai lần sửa chữa. Đáng kể nhất là lần gần đây nhất vào năm 1952, sau khi cầu bị gãy một nhịp, được kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng xây lại trụ cầu bằng xi măng, dáng cầu cong hơn nhưng vẫn giữ nguyên thiết kế và màu đỏ ban đầu từ thời Nguyễn Văn Siêu. Cầu Thê Húc hướng về phía Đông đón ánh mặt trời vào buổi sớm cùng với màu đỏ - tượng trưng cho sự sống và hạnh phúc bền lâu.

Đền Ngọc Sơn cũng được NVS tu sửa lại hoàn chỉnh hơn gồm 3 phần: phía trước là đình Trấn Ba (đình chấn sóng); giữa là điện thờ chính, sau cùng là hậu cung. Điện thờ chính là nơi thờ Văn Xương Đế Quân cùng chư vị Thần Tiên. Phần hậu cung, ở giữa thờ Trần Hưng Đạo, còn một bên thờ Phật Quan Âm Bồ Tát và Thiệu Tái Đồng Tử, bên kia là bàn thờ Thần linh, sơn Thần, Thổ địa. Quần thể di tích đền Ngọc Sơn - cầu Thê Húc - Tháp Bút thể hiện tài năng và sự tinh tế của cá nhân NVS và các nghệ nhân dân gian ở cách kết hợp mang tính chất dung hòa về tôn giáo: Tam giáo đồng nguyên (Nho, Phật, Lão) một cách hài hòa góp phần làm nên một không gian kiến trúc tâm linh đẹp, độc đáo tô điểm cho cảnh quan của Hồ Hoàn Kiếm nói riêng và Hà Nội nói chung.

Một cuộc đời dài cống hiến không mệt mỏi, NVS - một trong những trí thức Nho học uyên bác, đạo đức trong sáng, một nhà giáo có tâm, một nhà kiến trúc tinh tế, một thi sĩ có tâm hồn đồng cảm với người dân nghèo lam lũ xứng đáng nhận được sự tôn vinh, nể trọng của người đương thời và hậu thế. Hiện nay, tên NVS (hay Nguyễn Siêu) đã được lấy để đặt cho nhiều đường phố ở Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn,... và nhiều trường học ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.

TRẦN VĂN TRỌNG

Tài liệu tham khảo:

- (1) *Tổng tập Văn học Việt Nam* (42 tập), Tập 14, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.
- (2) *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Tập 3, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2003.
- (3) Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2004.
- (4) *Từ điển văn học (Bổ mới)*. Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2004.
- (5) Trần Lê Sáng (Tuyển dịch và giới thiệu), *Tuyển tập văn thơ Phương Đình Nguyễn Văn Siêu*, 4 tập, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2010.

3. Kết luận

Đến nay, việc nghiên cứu từng tác gia bách khoa thư Việt Nam đã được giới nghiên cứu và đạt được những thành tựu nhất định góp phần minh định những đóng góp của họ đối với tiến trình lịch sử dân tộc. Việc nghiên cứu, biên soạn bách khoa toàn thư về tác gia bách khoa thư Việt Nam là một công việc có ý nghĩa và đóng góp. Công trình được xuất bản sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho bạn đọc quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu và học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vũ Khiêu (Chủ biên), *Danh nhân Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2004.
- [2] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam chính biên liệt truyện*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2004.
- [3] Trần Lê Sáng (Tuyển dịch và giới thiệu), *Tuyển tập văn thơ Phương Đình Nguyễn Văn Siêu*, 4 tập, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2010.
- [4] Nguyễn Kim Thân, *Tuyển tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.
- [5] Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.
- [6] *Tổng tập Văn học Việt Nam* (42 tập), Tập 14, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.
- [7] Hà Học Trạc, *Lịch sử - Lí luận thực tiễn biên soạn Bách khoa toàn thư*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2004.
- [8] *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Tập 3, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2003.
- [9] *Từ điển văn học (Bổ mới)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2004.
- [10] Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Thông báo Hán Nôm học năm 2009*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2010.